TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29-01-2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Danh Văn Hoàng

Ông Nguyễn Huỳnh Hải.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Tây Ninh tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Khúc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 104/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Hồng G, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Phúc T, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp R, xã T, tỉnh Tây Ninh. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Đặng Thị Hồng G trình bày:

Bà G và ông T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới năm 2023 và có đăng ký kết hôn ngày 18/5/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Long An (cũ). Nay là xã T, tỉnh Tây Ninh.

Sau khi cưới, hai vợ chồng sống cùng với cha mẹ chồng ở ấp R, xã T, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Gia L, sinh ngày 22/7/2024. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian ngắn

thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông T sống thiếu trách nhiệm với gia đình, hiện tại vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân, bà G cùng con chung đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống.

Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà G yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T, yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn ông Nguyễn Phúc T vắng mặt nhưng có thể hiện ý kiến tại bản tự khai ngày 28/01/2026 như sau:

Ông T và bà G là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V (cũ). Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, chủ yếu do khó khăn về kinh tế gia đình nên vợ chồng hay cự cãi. Ông T không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với bà G và con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của cả cha và mẹ. Tài sản chung và nợ chung không có. Ông T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà G vẫn giữ quan điểm đã trình bày và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T do vợ chồng đã sống ly thân và khả năng hàn gắn không còn.

Kết quả xác minh của Tòa án:

Về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà G và ông T chủ yếu do ông T ham chơi, đôi khi có hành động quá khích, quậy phá, sống không có trách nhiệm với gia đình và vợ con, bà G không chung sống được nữa nên đã về nhà cha mẹ ruột cùng con chung. Về công việc thì bà G đang đi làm công nhân ở B có thu nhập ổn định, thường xuyên. Ông T hiện ờ nhà cha mẹ, không có công việc ổn định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ tham gia tố tụng, vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, thể hiện thái độ không hợp tác, từ bỏ quyền trình bày ý kiến, quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước Tòa án.

Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa bà Đặng Thị Hồng G và ông Nguyễn Phúc T là hôn nhân hợp pháp, được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, các bên không còn sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; đời sống vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế, các bên đã ly thân, không còn điều kiện để hàn gắn. Đặc biệt, bị đơn không tham gia tố tụng, không thể hiện thiện chí đoàn tụ, cho thấy quan hệ hôn nhân đã rơi vào tình trạng đổ vỡ thực sự. Xét thấy, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng yêu thương, tôn trọng, giúp đỡ nhau; nhưng trong trường hợp này, các yếu tố đó đều không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của

nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2024, cần được chấp nhận.

Về con chung: Bà G và ông T có 01 con chung hiện chưa đủ 36 tháng tuổi và nguyên đơn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên đơn có điều kiện trực tiếp nuôi con, có thời gian, công việc và môi trường sống phù hợp. Bị đơn không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu chứng minh điều kiện nuôi con, cũng không có ý kiến tranh chấp việc nuôi con. Do đó, việc giao con chung cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, đồng thời bảo đảm tốt nhất quyền lợi về mọi mặt của trẻ em.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu, đây là sự tự nguyện, không trái pháp luật nên cần được ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đặng Thị Hồng G về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp R, xã T, tỉnhNinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông T xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) ngày 18/5/2023 nên là hôn nhân hợp pháp, bà G yêu cầu giải quyết ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà G cho rằng quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không còn hạnh phúc, đã sống ly thân và cương quyết ly hôn.

Đối với bị đơn, mặc dù có thể hiện ý kiến không đồng ý ly hôn, Tòa án đã mời hòa giải nhiều lần để tạo cơ hội hàn gắn nhưng bị đơn bỏ mặc không đến, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà G và ông T đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về con chung: Bà G và ông T có 01 con chung còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi hiện đang sống cùng bà G. Bà G yêu cầu được nuôi con chung, ông T cũng không có tranh chấp việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G.

[2.4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà G không yêu cầu nên tạm thời Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này bà G có quyền yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung và nợ chung, tại thời điểm giải quyết việc ly hôn cũng không có ai tranh chấp về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà G phải chịu án phí Hôn Nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị Hồng G về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với ông Nguyễn Phúc T.

1.1. Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Hồng G được ly hôn với ông Nguyễn Phúc T.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Gia L (nam), sinh ngày 22/7/2024 cho bà Đặng Thị Hồng G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc (con chung đang sống cùng bà G).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí:

Buộc bà Đặng Thị Hồng G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh theo biên lai số 0008614 ngày 21/10/2025 sang tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặt kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV9 - Tây Ninh;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã Tuyên Bình;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Yến Linh